

ĐỐI THOẠI GIỮA CÁC NỀN VĂN MINH VAI TRÒ QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁC NHÂN TỐ XÃ HỘI

FRANCOIS HOUTART^(*)

LTS. *Giáo sư Francois Houtart là nhà xã hội học, Giám đốc Trung tâm Ba lục địa (CETRI) của Trường Đại học Louvain-la-Neuve (Bỉ) và Tạp chí Alternatives Sud. Ông đã từng đến làm việc ở Việt Nam nhiều lần và đã xuất bản công trình điều tra xã hội học tại xã Hải Vân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Đây là bài phát biểu của ông trong cuộc hội thảo quốc tế Diễn đàn nhân dân tổ chức tại Hà Nội trước Hội nghị thượng đỉnh ASEM năm 2004. Trong bài có những quan điểm rất riêng của tác giả, vì sự tôn trọng, chúng tôi vẫn giữ nguyên theo bản dịch.*

Toàn cầu hóa thị trường tư bản chủ nghĩa, ý nghĩa thực sự của khái niệm hiện nay, đã dựng nên cơ sở cho sự phát triển của hai cải tiến kỹ thuật: tin học và thông tin. Cụ thể là vì những lí do đó mà chúng ta buộc phải đẩy mạnh nhịp độ tích lũy tư bản (Thỏa ước Washington⁽¹⁾) và đẩy cũng là bước đầu của nền kinh tế tri thức.

Về lí thuyết, việc đó phải tạo thuận lợi cho giao lưu văn hóa và như vậy là tạo thuận lợi cho đối thoại giữa các nền văn minh và giữa các tôn giáo. Thế nhưng, hình như không phải như vậy, đến mức mà Huntington⁽²⁾ đã không ngần ngại đưa ra một cách nhìn để giải thích các xung đột hiện tại bằng từ ngữ chiến tranh giữa các nền văn minh, và ngoài ra, ông ta còn đồng nhất với những truyền thống tôn giáo lớn.

Vấn đề không phải là mới lạ

Vậy thì phải hỏi về những điều kiện tạo ra khả năng đối thoại hay xung đột. Câu hỏi không phải là mới lạ. Không cần phải đi ngược quá xa trong lịch sử, ta có thể nhớ lại cái sân trong của lâu đài

Accra ở Ấn Độ, nằm tại bốn góc có bốn cái bàn đá bao quát cả không gian. Bốn cái bàn đó được dùng cho cuộc đối thoại giữa bốn tôn giáo Ấn Độ ở thế kỉ XVI: Ấn Độ giáo, Islam giáo, Phật giáo và Kitô giáo. Vương quốc Ấn Độ không xây dựng tính hợp thức của mình trên quyền lực của một tôn giáo riêng biệt nào, và như vậy, có thể tổ chức cuộc đối thoại đó.

Nhưng trước đó không lâu, trong những vùng Islam giáo của Ấn Độ, người Bồ Đào Nha đã tiến hành chiến tranh để lập thương điểm. Một tu sĩ dòng Phanxicô là người ghi chép biên niên về phía Bồ Đào Nha. Ông mô tả các cuộc chiến đấu như được tiến hành nhân danh Chúa Kitô giáo. Cùng lúc đó, một nhà sử học Islam giáo cũng thuật lại cùng một trận

*. GS. Đại học Louvain-la-Neuve, Bỉ.

1. Học thuyết kinh tế xuất hiện cuối những năm 1980, sau sự tan rã của khối Xô viết, dưới áp lực của Hoa Kỳ. Nó chủ trương tự do hoá trao đổi, tư nhân hoá xí nghiệp quốc doanh, điều chỉnh lại thị trường.
2. Samuel P. Huntington. *Sự va chạm giữa các nền văn minh*. Nxb Odile Jacob, 2001.

chiến được tiến hành nhân danh Thánh Allah, chống lại bọn dị giáo để bảo vệ Islam giáo.

Ngày nay, bài diễn văn của "Hoàng đế" Georges W. Bush trong cuộc họp của Đảng Cộng hòa, cũng xuất phát từ ý tưởng của sứ mạng mà ông ta phải thực hiện nhân danh nhân dân Mỹ, có Chúa đứng bên hỗ trợ, nhằm chống lại cái ác và làm tan rã các "quốc gia-hiệu chiến". (Một câu được khắc trên bức tường ở Malaysia nói rằng: "*Chúa nào đã phù hộ cho nước Mỹ? Không phải là Chúa của chúng ta!*"). Ngoài ra, lời nói cực đoan của Islam giáo được xây dựng trên sự bảo vệ Islam giáo chống lại sự phá hoại của phương Tây và cuộc chiến đấu nhân danh Chúa.

Như chúng ta có thể nhận thấy, vấn đề của các nền văn minh và của các tôn giáo là quan trọng trong các quan hệ quốc tế và nó không ngừng được nhắc lại trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Để hiểu rõ, chúng ta vẫn phải phân tích về mặt lý thuyết giúp cho ta tránh được những lập trường đi theo đường tắt như Huntington đã đưa ra, hay biến câu hỏi thành một vấn đề đơn giản về thông tin nhằm tạo thuận lợi cho sự tiếp xúc.

Văn minh là gì?

Một vấn đề được đặt ra rất phổ biến thuộc về văn hóa học, coi văn hóa như là một vật tự thân tách rời khỏi bối cảnh xã hội, chính trị và kinh tế, và do đó, có khả năng lập nên những nhịp cầu hay gây nên xung đột với tư cách là một nhân tố độc lập. Đây là luận đề chủ yếu của Huntington, dù ông không phải không biết đến những chiều kích khác.

Vậy nên mới có câu hỏi: văn hóa hay văn minh là gì? Đây là tổng thể các biểu

hiện của hiện thực tự nhiên và xã hội và mọi cách biểu đạt của chúng (ngôn ngữ, giá trị, đạo đức, luật pháp, thiết chế, nghệ thuật, tôn giáo). Nhờ có bộ óc của mình, con người quả thật có khả năng hình dung trong tư tưởng vị trí của mình trong vũ trụ, những quan hệ xã hội, lịch sử của mình. Họ có khả năng đánh giá các tình huống và thúc đẩy tới tương lai.

Như vậy là có thể nảy sinh những xung đột giữa các hệ thống văn hóa hay tôn giáo cạnh tranh nhau trong xã hội, nhưng cũng có thể giữa các chức năng đối với các hệ thống kinh tế hay chính trị, với tư cách ý thức hệ (giải thích và hợp thức hóa các quan hệ kinh tế hay chính trị), thường xảy ra trong các tình huống xung đột. Có lẽ chúng ta không nên bỏ qua cái gọi là "xung đột giữa các nền văn minh", nhưng điều này chỉ xảy ra khi văn hóa hay tôn giáo (tự nguyện hay không tự nguyện) được gắn với các lợi ích kinh tế hay chính trị.

Hậu quả là đối thoại giữa các nền văn minh không thể quan niệm nằm bên ngoài một khung cảnh chung bao gồm các quan hệ kinh tế và chính trị và một viễn cảnh lịch sử. Chẳng hạn làm thế nào giải thích được ở Việt Nam, người ta đang chuyển các hiểu biết ngoại ngữ (và gián tiếp là văn hóa) từ tiếng Pháp sang tiếng Anh?

Chấp nhận một cách làm đó để suy nghĩ về đối thoại giữa các nền văn minh, phải chăng có nghĩa rằng các nhân tố văn hóa đơn giản chỉ được xác định trong khả năng bị hoàn cảnh tác động đến? Tất nhiên là không. Nhưng nó bị chi phối, nghĩa là các khả năng được định trước bằng những hoàn cảnh trong đó nó triển khai hoạt động văn hóa. Một xã hội biết đọc biết, viết tạo ra những khả năng mới.

Đầu tư công cộng ồ ạt vào giáo dục sẽ đưa nhân dân đến những điều kiện khác để sống trong văn hóa của mình và trao đổi với các nước láng giềng ngày nay trên thế giới. Văn hóa là khả năng mà các nhân tố xã hội có được để đọc thực tế, giải thích nó, phát triển những sự đánh giá về đạo đức, đẩy mạnh tương lai (lập nên những dự án), nhưng luôn luôn trong một bối cảnh sẵn có.

Thật vậy, khả năng có được một khoảng cách trong tư tưởng so với bối cảnh, có cho phép một số nhân tố vượt qua hay đi ngược lại bối cảnh đó không, ở Việt Nam, ngay trong thời thuộc địa, một số nhân vật và một số tổ chức đã có khả năng vượt qua mối quan hệ thực dân để thiết lập một đối thoại văn hóa. Điều đó không phải dễ dàng và thường chỉ ở một chiều. Tại Châu Mỹ Latinh, cuộc chinh phục của người Tây Ban Nha đã khiến cho cuộc đối thoại văn hóa không thể xảy ra (mặc dầu đã có những diễn văn nhân dịp kỉ niệm 500 năm gặp gỡ của các nền văn minh). Văn hóa và tôn giáo của các tộc người bản xứ phải chuyển sang con đường bí mật, ít ra là đã được nhân học văn hóa phát hiện lại. Ngày nay, cuộc đấu tranh của các tộc người bản xứ về quyền kinh tế và sự công nhận về chính trị đã tạo điều kiện mới cho sự khẳng định bản sắc văn hóa của họ.

Vai trò của tôn giáo trong ngôn từ của chủ nghĩa đế quốc

Tôn giáo là bộ phận đó của văn hoá khi nhắc đến một thế giới siêu nhiên (được xác định bằng bản thân các nhân tố). Chức năng của nó thay đổi tùy theo loại hình xã hội. Như vậy, ở nơi mà cơ sở đời sống hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên và vào nhịp điệu của tự nhiên

(không phải là do kết quả hoạt động của con người), tôn giáo đóng vai trò trung tâm trong việc giải thích những quan hệ với thiên nhiên và các quan hệ xã hội.

Trong các xã hội giai cấp tiền tư bản chủ nghĩa, khi một nhóm xã hội chiếm đoạt tài nguyên (đất đai, nguồn nước) một cách độc đoán mà những dịch vụ đem lại không tương xứng, tôn giáo được dùng như là một yếu tố để hợp thức hoá: đó là ý chí của các thần linh hay của Chúa, một nhân tố vừa không thể kiểm tra được và không thể xác định được. Đó là điều ta đã biết trong các xã hội có đẳng cấp, xã hội phong kiến hay toàn trị.

Khi các tình thế xung đột phát triển, tôn giáo thường được dùng làm cơ sở để chứng minh bản sắc tập thể hay dân tộc. Lúc đó, những cuộc xung đột được biểu hiện dưới ngôn từ tôn giáo. Chúng ta hãy nhớ lại những cuộc Thập tự chinh, những cuộc Reconquista⁽³⁾, những cuộc chiến tôn giáo ở Châu Âu. Ở Hoa Kỳ, lịch sử được xây dựng trên một sứ mệnh tôn giáo: sứ mệnh thiêng liêng làm cho sự sáng tạo sinh sôi nảy nở. Ngày nay, mặc dầu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản không cần phải biện minh bằng lí do tôn giáo để triển khai lôgic của nó (tích lũy tư bản là thành quả của lao động), tôn giáo vẫn tiếp tục đóng vai trò hùng mạnh trong những lời rao giảng của chủ nghĩa đế quốc. Đấy không còn là một tiến trình đồng nhất, như trong các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa nhưng nó vẫn là một ngôn từ có ích.

Người ta nói rằng, chúng ta đang sống trong một xã hội thế tục. Khái niệm đó

3. Tên gọi của người Tây Ban Nha để chỉ cuộc chinh phục lại của người Kitô giáo chống người Islam giáo đã chinh phục Tây Ban Nha thời Trung đại.

chỉ xuất hiện gần đây (như chúng ta thấy trong cuộc thảo luận liên quan đến Hiến pháp Châu Âu), tuy nhiên nó vẫn có giá trị. Sự tách rời Giáo hội với Nhà nước, tính thế tục tạo nên nhiều nét văn hoá của các xã hội hiện đại. Đó là kết quả của một lịch sử lâu dài trong đó các nhân tố khác nhau đã can thiệp vào. Với sự phát triển của các xã hội thương nhân tiền tư bản chủ nghĩa, các yếu tố của sự duy lý mới được du nhập và Max Weber⁽⁴⁾ đã cho thấy một đạo lý mới được tách khỏi những ràng buộc về tôn giáo như thế nào.

Đấy là trường hợp của Phật giáo và Jaina giáo ở Ấn Độ hay của Calvin giáo (Tin Lành) ở Châu Âu. Tính thế tục còn chịu ảnh hưởng của sự phát triển khoa học và kĩ thuật từ thời Phục hưng. Cuối cùng, nó là kết quả của một khái niệm mới về Nhà nước mà tính đa dạng văn hoá (đồng thời là đa dạng về tôn giáo) được cho vào. Nói tóm lại, đó là những xã hội mà tôn giáo không còn cần thiết về mặt ý thức hệ (giải thích và hợp thức hoá các quan hệ xã hội), tuy rằng nó vẫn có thể có ích trong một số trường hợp.

Tiến trình thế tục hoá cũng tạo nên một số hình thức cực đoan hay những suy nghĩ duy lý quá đáng, phản ứng chống lại sự thống trị văn hoá của tôn giáo. Trong các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã phát triển khái niệm vô thần khoa học, đến mức xây dựng nên những bộ môn của các Viện Hàn lâm khoa học. Điều đó quay lại biến chủ nghĩa vô thần thành một tôn giáo mới của Nhà nước, hoàn toàn mâu thuẫn với lập trường của K. Marx khi ông chống lại chủ nghĩa vô thần cực đoan, đang muốn đưa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chấp nhận lập trường đó. Cuộc cách mạng Pháp đặc biệt triệt để trong

đấu tranh chống tôn giáo, đã phát triển một chủ nghĩa Jacobin chống Giáo hội đôi khi đưa đến một tư tưởng cộng hoà cực đoan. Ta có thể thấy một di sản trong bộ luật liên quan đến khăn che mặt của Islam giáo, có xu hướng thay đổi những cách ứng xử văn hoá bằng sắc lệnh.

Một mối quan hệ xây dựng trên các nhân tố xã hội

Những suy nghĩ nói trên có mục đích là đưa ra một khung quy chiếu để tránh những lập trường quá sơ lược trong cách thức nhìn nhận những vấn đề đối thoại giữa các nền văn minh cũng như là giữa các tôn giáo. Nhằm mục đích đó, trước hết phải nhắc lại rằng, một cuộc đối thoại không phải được thiết lập trên một thực thể trừu tượng hay trên những khái niệm. Đó là một mối quan hệ được xây dựng trên những nhân tố xã hội thông qua văn hoá, là một kiến trúc tập thể.

Do vậy, trước hết phải đặt vấn đề liên quan với bối cảnh chung trong đó các nhân tố được tiến triển. Như vậy, ta có thể nhận thấy rằng, xu hướng toàn cầu hoá tư bản chủ nghĩa đang tạo nên một trong những trở ngại lớn nhất cho cuộc đối thoại. Sự kiểm soát và khai thác kinh tế, thiết lập bá quyền về chính trị và quân sự, sự áp đặt một nền văn hoá thống trị bởi các giá trị của thị trường, đã dựng lên những bất bình đẳng giữa các nền văn minh. Việc sử dụng những công cụ kĩ thuật có thể tạo thuận lợi cho sự tiếp xúc giữa các nền văn hoá không được phân bổ công bằng, và trình độ học vấn cho phép nắm được các kĩ thuật đó cũng bị như vậy.

Điều đó cho thấy tại sao những yêu sách hiện nay, kể cả yêu sách văn hoá,

4. Nhà kinh tế học và xã hội học Đức (1864-1920).

được đặt ra trong phong trào đấu tranh khác biệt với toàn cầu hoá. Nó đòi hỏi sự giao thoa văn hoá trên cơ sở trao đổi bình đẳng. Nó cũng kéo theo các điều kiện kinh tế và chính trị ngày nay không còn được áp dụng. Như vậy, việc xoá bỏ tính hợp pháp của logic tư bản chủ nghĩa và sự kéo dài của nó về chính trị và quân sự là một điều kiện văn hoá cho sự thiết lập đối thoại.

Còn phải thêm một điều kiện thứ hai: gạt bỏ mọi tính hợp pháp tôn giáo trong đàn áp chính trị và trong bạo lực. Điều đó hoàn toàn không loại bỏ đấu tranh xã hội, có thể có động cơ sâu xa và dựa trên đạo đức tôn giáo, nhưng điều đó gạt bỏ được ngôn từ tôn giáo của chủ nghĩa đế quốc. Đối với sự biện minh cho chủ nghĩa khủng bố cũng vậy, từ trong mâu thuẫn nội tại cuối cùng lại đi đến phục vụ cho lợi ích của kẻ thù (ví dụ vụ 11/ 9/2001).

Cuối cùng, các khả năng đối thoại được quy định bằng mức độ mà đối thoại đặt ra. Trước hết có cuộc đối thoại ở cơ sở: cuộc đấu tranh chung cho công lí, có mặt tén đồ của nhiều tôn giáo và những người ngoại đạo và nơi đó xây dựng nên cuộc đối thoại theo cách hiện hữu. Điều đó có thể làm ở cấp độ địa phương, quốc gia và thế giới. Kinh nghiệm của Diễn đàn thế giới và châu lục về mặt này là đặc biệt phong phú. Cấp độ thiết chế cũng quan trọng. Đôi khi người ta có xu hướng đặt nó ở vị trí ưu tiên, vì rõ ràng nó là cái nhìn thấy rõ nhất, nhưng không có cấp độ thứ nhất, nó vẫn là rất hình thức. Quan hệ giữa nhà chức trách và chức sắc tôn giáo sẽ cải thiện không khí chung và có thể tháo gỡ một số trở ngại lịch sử đã được dựng nên và không có chức năng thực tế trong tình hình hiện tại.

Cuối cùng, đối thoại còn có tầm vóc trí thức. Việc làm của các nhà sử học, triết học, các chuyên gia khoa học xã hội, các nhà thần học, đều đem lại một đóng góp cần thiết phải đi cùng với hai cấp độ khác. Đây là vai trò của trí thức, muốn cho có hiệu quả, cần phải cảm thấy dần thân vào tiến trình, và muốn có ích cần phải giữ tính phê phán.

Như vậy, có khả năng mở cuộc đối thoại giữa các nền văn minh và giữa các tôn giáo. Toàn cầu hoá có thể thúc đẩy cuộc đối thoại đó khi nó xây dựng được những nhịp cầu thực tế, nghĩa là các cơ sở để trao đổi xuất phát từ bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.

Tình hình là nghiêm trọng

Không nên che dấu điều đó: tình hình đã trở nên nghiêm trọng. Những trở ngại trên con đường đối thoại có rất nhiều. Những trở ngại đầu tiên nằm ở thế giới phương Tây (đa số là Kitô giáo) và thế giới Ả-rập-Islam giáo. Ngay cả khi các lí do kinh tế và chính trị chiếm vị trí hàng đầu, đối với nhiều dân tộc thật khó mà phân biệt các sự việc. Hai sự kiện nổi bật là chiến tranh ở Irak và chính sách của Chính phủ Ixrael.

Chỉ có một hành động phê phán của người Kitô giáo và Do Thái giáo chống lại các chính sách đó, sẽ phá vỡ sự dung hợp giữa một "nền văn minh phương Tây" với Kitô giáo, hay giữa chủ nghĩa Do Thái với Do Thái giáo. Phân tích các nguyên nhân và cơ chế của những cuộc xung đột đó sẽ cho thấy chúng chỉ là một giai đoạn sâu sắc của một nền đô hộ thế giới và thái độ của Mỹ không khác gì trước đây đã làm ở Việt Nam hay ngày nay ở Colombia. Tách rời đức tin Kitô giáo khỏi bá quyền chính

trị thế giới là một điều kiện tiên quyết cho đối thoại.

Nhưng điều đó còn đi xa hơn nữa, phương Tây là trái tim của hệ thống tư bản chủ nghĩa và vẫn là trung tâm của hệ thống đó. Phần còn lại của thế giới, đại bộ phận không có niềm tin Kitô giáo, lại là khu vực ngoại vi. Làm sao có thể nói đến đối thoại mà không đặt sự mất thăng bằng đó thành vấn đề? Khái niệm xung đột giữa các nền văn minh là một màn khói đánh lạc sự chú ý khỏi những vấn đề cơ bản.

Và trong lúc đó, văn hoá, văn minh, tôn giáo không phải là những cái trừu tượng. Những chủ đề nó mang theo là những nhân tố xã hội, có khả năng làm biến đổi tình hình. Được gợi ý bằng những giá trị, những đạo đức của nó hay bằng niềm tin tôn giáo, những nhân tố xã hội đó có thể xoá bỏ tính hợp pháp của hệ thống kinh tế và chính trị và chứng minh một cuộc đối thoại thực sự, bất cứ ở nơi nào mà chúng tồn tại. Bất cứ một bước đi nhỏ nào được thực hiện cùng nhau, cuộc đối thoại giữa các tôn giáo hay giữa các giáo hội, hay sự dẫn thân chung vì hoà bình và chống chiến tranh đều mang theo ý nghĩa.

Cuộc tranh luận hiện nay về tương lai Châu Âu không xa lạ với vấn đề đó. Chúng tôi coi Châu Âu là nơi mang những giá trị chủ đạo của văn minh, tham số của nền dân chủ và của chủ nghĩa nhân văn. Nhưng dưới con mắt của người khác nó không đáng được coi trọng: những người phải chịu đựng các cuộc Thập tự chinh và những cuộc chinh phục, những cuộc chiến tranh thuộc địa, những cuộc đàn áp chống lại ước vọng tự do và

độc lập. Đấy là không đếm xỉa đến tiếng kêu của những ai gửi đến Châu Âu với các công ti xuyên quốc gia, với chính sách nông nghiệp và thiên đường thuế khoá. Đó cũng là quên đi sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, của giai cấp công nhân, nói tóm lại, là lịch sử của bóng đen bên cạnh thời đại ánh sáng. Những bóng đen mà những nạn nhân phương Nam ngày nay đang hành động khi người ta nói đến văn minh và giá trị.

Đối thoại giữa các nền văn minh, vâng, nhưng không phải vô điều kiện. Có lẽ cuộc chiến đấu vì công lí và vì sự giao thoa văn hoá không phải không có mâu thuẫn. Vấn đề không phải là chờ đợi cho nhân loại có nhiều thiên thần, mà là biết tìm ra những mâu thuẫn của những kẻ mạnh hay của những kẻ bị áp bức.

Nếu chúng ta nhấn mạnh đến một tình hình cụ thể, đến chính sách của phương Tây, là bởi vì nó đang quyết định tương lai của nhân loại. Điều đó không ngăn cản chúng ta biết đến những thực tế khác, như chủ nghĩa cực đoan với cái nền là Islam giáo, Ấn Độ giáo hay Phật giáo. Bất cứ ở đâu, khi một nền văn hoá hay một tôn giáo đã trở thành công cụ của sự thống trị, thì sự cố chấp sẽ xuất hiện và phá hoại đối thoại. Nhưng ngược lại, ở đâu mà sự chia xẻ đức tin và chiếu cố về đạo lí được nói lên trong sự tôn trọng tính đa dạng, thì nơi đó sẽ xây dựng được một thế giới trong tình anh em./.

Đào Hùng dịch

[Theo bản tin của Trung tâm L.J. Lebret: *Foi et développement* (Đức tin và Phát triển), số 327, tháng 9-10/2004]